

PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH TẠI VIỆT NAM

Đặng Kim Oanh¹, Nguyễn Thị Thúy Vân²

Tóm tắt

Tín dụng xanh đang được các nước trên toàn thế giới đặc biệt quan tâm nhằm đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tín dụng xanh cung cấp nguồn vốn cần thiết cho việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Việt Nam đang chú trọng vào hoạt động đầu tư xanh, đặc biệt ở hai lĩnh vực là nông nghiệp xanh và năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng xanh cũng như những bất cập các tổ chức tín dụng gặp phải khi hướng đến phát triển mở rộng quy mô tín dụng xanh. Từ đây, nghiên cứu đề xuất một số chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn, đề ra giải pháp thúc đẩy phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam.

Từ khóa: Tín dụng xanh, kinh tế xanh, đầu tư xanh, phát triển bền vững.

DEVELOPMENT OF GREEN CREDIT IN VIETNAM

Abstract

Green credit has garnered considerable attention globally as it holds the potential to foster sustainable socio-economic growth and development. The notion of green credit revolves around offering financial support to projects that strive to accomplish sustainable development objectives, particularly in relation to environmental concerns. The research indicates that Vietnam is actively prioritizing green investment, with a specific focus on two crucial domains: green agriculture, and renewable and clean energy. The research also points out the difficulties facing businesses in accessing green credit as well as the shortcomings that credit institutions face when aiming to develop the scale of green credit. Building upon these findings, this article proposes a range of policies to promote the expansion and advancement of green credit in Vietnam.

Keywords: Green credit, green economy, green investment, sustainable development.

JEL classification: G; G1; G21; G24.

1. Đặt vấn đề

Tín dụng xanh đang là xu hướng của ngành tài chính toàn cầu nhằm đạt mục tiêu phát triển hài hòa, cân bằng giữa kinh tế và môi trường, hướng đến phát triển bền vững. Việt Nam là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực, đang chuyển đổi sâu rộng về kinh tế và xã hội nên cần nắm bắt cơ hội tiếp nhận nguồn vốn xanh cả trong nước và quốc tế. Đây cũng là nguồn lực tài chính quan trọng để hướng đến mục tiêu đạt được cam kết phát thải ròng về 0% vào năm 2050. Theo đó, việc gia tăng tín dụng xanh là một tất yếu thông qua các dự án đầu

tư về công nghệ hay sản phẩm có tác động tích cực đến môi trường – giảm thiểu khí CO₂ hay thay thế nguyên vật liệu gây hại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao, vật liệu mới, tiết kiệm và tái tạo năng lượng,... Chính vì vậy, Nhà nước cũng đề ra những khuôn khổ pháp lý cho tín dụng xanh tại Việt Nam như Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020; Quyết định

số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030; Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Ngân hàng Nhà nước về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Từ đó, các ngân hàng ra những quyết định, quy định về chính sách cấp tín dụng xanh, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và xã hội. Bên cạnh đó, các đơn vị liên quan có những quy định hướng dẫn cụ thể về các dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, được cấp tín dụng xanh.

2. Cơ sở lý luận về tín dụng xanh

2.1. Khái niệm tín dụng xanh

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, xu hướng xanh hóa tín dụng là hoạt động được ưu tiên nhằm hướng đến mục tiêu kép tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường. Tín dụng xanh có thể hiểu là các tổ chức tín dụng cho vay đối với các nhu cầu vốn phục vụ hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh nhưng không gây rủi ro đến môi trường. Nhà nước đặc biệt khuyến khích thực hiện các dự án đầu tư được đề cập tại điều 149, Luật Bảo vệ môi trường 2020, tín dụng xanh là tín dụng được cấp cho dự án đầu tư sau: Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; Ứng phó với biến đổi khí hậu; Quản lý chất thải; Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Tạo ra lợi ích khác về môi trường. Hay nói một cách khác, tín dụng xanh là nguồn vốn tín dụng hỗ trợ phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh.

2.2. Đặc điểm của tín dụng xanh

Tín dụng xanh được cấp cho các dự án

sản xuất, kinh doanh mà không gây rủi ro về môi trường. Rủi ro về môi trường của dự án đầu tư là khả năng xảy ra những tác động xấu đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án gây phát sinh chi phí, giảm dòng lợi ích, tổn thất về vốn hay tài sản của chủ đầu tư.

Tín dụng xanh không phải hoàn toàn là vốn huy động của ngân hàng và nguồn vốn được sử dụng để cấp tín dụng xanh là nguồn vốn xanh. Các ngân hàng có thể tiếp cận nguồn vốn xanh thông qua các hợp đồng ủy thác của Ngân hàng Nhà nước, hợp tác với các quỹ hỗ trợ tín dụng xanh hoặc trực tiếp phát hành trái phiếu xanh trên thị trường.

Hoạt động cấp tín dụng xanh liên quan đến nhiều cơ quan chức năng, với sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư trong việc triển khai, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện theo thẩm quyền và trách nhiệm.

2.3. Khung pháp lý của tín dụng xanh

Xác định rõ tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, Đảng và nhà nước đã đề ra quan điểm “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 – 2010. Có thể nói, từ năm 2001 trở lại đây, xu hướng thị trường tín dụng xanh dần phát triển và ngày một mở rộng thông qua các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư, ... nhằm thực hiện mục tiêu kép, vừa tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững với những chương trình, chiến lược, kế hoạch, ... nổi bật như:

Hộp 1: *Chương trình, chiến lược, kế hoạch tăng trưởng xanh tại Việt Nam qua các giai đoạn/thời kỳ*

2001: Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 – 2010 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX ngày 22/4/2001;

2008: Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu được Thủ tướng chính phủ quyết định phê duyệt ngày 02/12/2008;

2012: Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng chính phủ quyết định phê duyệt ngày 25/9/2012;

2015: Kế hoạch hành động của ngành tài chính thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020 do Bộ trưởng Bộ tài chính quyết định ban hành ngày 20/10/2015;

2018: Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam do Thống đốc ngân hàng nhà nước quyết định phê duyệt ngày 07/8/2018;

2021: Sổ tay “Hướng dẫn trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững” do Ủy ban chứng khoán nhà nước cho ra mắt sổ tay ngày 12/4/2021;

10/2021: Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 do Thủ tướng chính phủ quyết định phê duyệt ngày 01/10/2021;

11/2021: Cam kết giảm mức phát thải carbon về 0 tại Hội nghị COP26;

2022: Dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng chính phủ xem xét

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Chương trình, Chiến lược, kế hoạch, Đề án, Hội nghị, ... nổi bật đã diễn ra qua các mốc thời gian

3. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Số liệu nghiên cứu

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này là các số liệu thứ cấp được thu thập từ các nguồn chính thống của Vụ tín dụng các ngành kinh tế từ năm 2017 đến 2022. Khai thác thông tin từ các báo cáo hoạt động của các đơn vị, thông tin trên website của Hiệp hội ngân hàng; Ngân hàng nhà nước và một số ngân hàng tiêu biểu có áp dụng chính sách ưu đãi tín dụng xanh cho các chương trình, dự án xanh.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu để thu thập tài liệu nghiên cứu, tổng quan tài liệu, nghiên cứu lý thuyết và các nội dung có liên quan đến tín dụng xanh. Bài viết cũng sử dụng phương pháp thống kê mô tả,

phương pháp so sánh để phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2017 đến 2022.

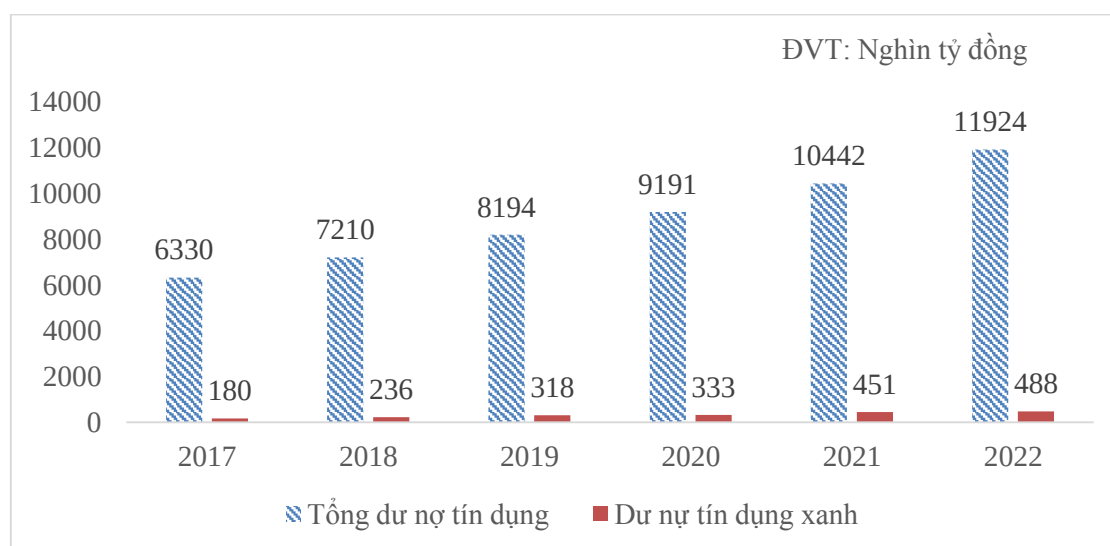
4. Thực trạng tín dụng xanh tại Việt Nam

Việt Nam đang từng bước trong cuộc chạy đua hướng đến phát thải cân bằng, phát thải nhà kính bằng không vào năm 2050. Nước ta đã đề ra hệ thống pháp luật, chính sách thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đầu tư vào tăng trưởng xanh. Các ngân hàng cũng có những bước hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện ứng dụng công nghệ mới, sản phẩm mới, hỗ trợ các dự án đầu tư xanh trong việc cấp tín dụng.

Hộp 2: Lĩnh vực xanh tại Việt Nam

1. Nông nghiệp xanh;
2. Lâm nghiệp bền vững;
3. Công nghiệp xanh;
4. Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch;
5. Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên;
6. Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm;
7. Bảo vệ môi trường thiên nhiên, khôi phục sinh thái và phòng chống thiên tai;
8. QL nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn;
9. Công trình xây dựng xanh;
10. Giao thông bền vững;
11. Cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng;
12. Lĩnh vực xanh khác.

Nguồn: Công văn số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/201



Hình 01: Dư nợ tín dụng xanh tại Việt Nam

Nguồn: Tác giả tổng hợp dữ liệu từ Vụ tín dụng các ngành kinh tế

Dư nợ tín dụng xanh tăng dần qua các năm, tốc độ tăng trưởng trung bình tăng 22,08% trong giai đoạn 2017 - 2022. Việt Nam còn tiềm năng lớn trong thu hút đầu tư tín dụng xanh, đặc biệt là tận dụng những ưu đãi từ nguồn vốn quốc tế về lãi suất, về việc ưu tiên giải ngân và cả sự thuận lợi khi được kế thừa về công nghệ mới, điều này dẫn đến tỷ lệ dư nợ tín dụng xanh so với tổng dư nợ tín dụng toàn xã hội tăng dần, năm 2017 tỷ lệ này là 2,84%, năm 2022 là 4,09%. Tuy nhiên, tỷ lệ vốn xanh so với tổng dư nợ tín dụng của cả nền kinh tế vẫn là con số khiêm tốn, một trong

những nguyên nhân phải nhắc đến là hiện chưa có một quy định thống nhất thể nào là danh mục dự án xanh, tiêu chí xác định chương trình/dự án xanh thiếu rõ ràng, phần nào gây khó khăn cho các tổ chức tín dụng khi đánh giá dự án. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư xanh thường có chi phí đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài, chịu rủi ro thị trường, ... dẫn đến những khó khăn trong việc xác định dòng tiền, tính toán hiệu quả cũng như đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng hay gặp những vướng mắc về giám sát, quản lý rủi ro khi cấp tín dụng do chưa có những quy định cụ thể kể từ

tháng 5 năm 2022 trở về trước. Khó khăn này sẽ được khắc phục khi Thông tư 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 có hiệu lực từ tháng 6/2023. Theo đó, các tổ chức tín dụng phải ban hành Quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Hoạt động này đã chính thức tạo ra khuôn khổ pháp lý chung cho tài chính xanh ở Việt Nam. Đây là cơ sở quan trọng khơi thông dòng vốn xanh,

để các tổ chức tín dụng mạnh dạn đổ vốn giải ngân cho các dự án xanh. Nhìn chung, dư nợ tín dụng xanh đã có những chuyển biến tích cực, với mức tỷ lệ tăng dần qua các năm và xu hướng tỷ lệ này ngày một cải thiện và mở rộng ở nhiều lĩnh vực. Các tổ chức tín dụng cũng có những chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư xanh ở các lĩnh vực, ví dụ:

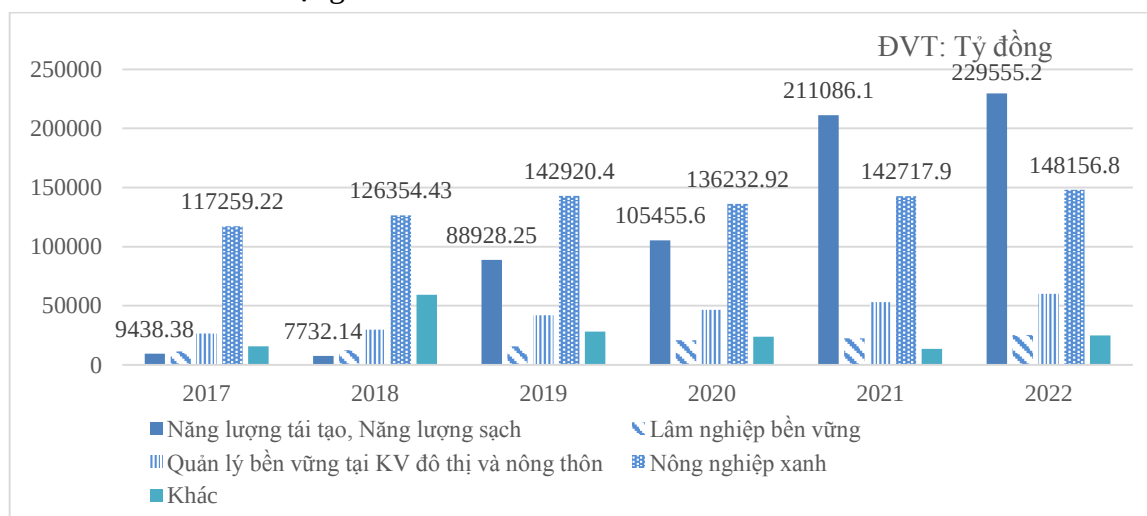
Bảng 1: Sản phẩm được hưởng chương trình ưu đãi tín dụng xanh tại một số ngân hàng

STT	Ngân hàng	Sản phẩm
1	VBSP	Cho vay ngân sách nhằm thực hiện Chiến lược Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường
		Cho vay dự án phát triển ngành lâm nghiệp
		Cho vay dự án bảo vệ và phát triển những vùng đất ngập nước ven biển miền Nam VN
2	AgriBank	Cho vay dự án “Nông nghiệp sạch”. Áp dụng với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại... tham gia các khâu trong chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp an toàn, quy mô lớn
3	BIDV	Cho vay các dự án thủy điện, phong điện
		Cho vay các dự án khu du lịch sinh thái
		Cho vay các dự án nhà máy tái tạo năng lượng, hệ thống cấp nước sạch
4	VietinBank	Cho vay các dự án tiết kiệm và hiệu quả năng lượng
		Chương trình tín dụng môi trường EIB
		Chương trình tín dụng GCPF
5	Vietcombank	Chương trình cho vay dự án năng lượng tái tạo REDP
		Cho vay các dự án nông nghiệp, lâm nghiệp xanh
		Cho vay dự án năng lượng tái tạo REDP
6	Sacombank	Dự án bảo vệ môi trường thiên nhiên, khôi phục sinh thái, phòng chống thiên tai
		Dự án quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn.
		Cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường
7	SHB	Cho vay nông thôn, lâm nghiệp
		Cho vay phát triển kinh tế hộ gia đình
		Cho vay các dự án tái chế chất thải, năng lượng tái tạo
8	ACB	Cho vay các dự án năng lượng tái tạo
		Cho vay theo dự án tài chính nông thôn RDF
		Sản phẩm cho vay có bảo lãnh từ Quỹ tín dụng xanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa
9	HDBank	Chương trình cho vay dự án năng lượng tái tạo REDP
		Cho vay dự án năng lượng tái tạo REDP
		Tài trợ các dự án chuỗi nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
10	Nam A Bank	Cho vay các nhu cầu đầu tư kinh doanh, tiêu dùng thân thiện với môi trường
		Cho vay dự án thúc đẩy giảm khí CO2
		Cho vay dự án tiết kiệm năng lượng

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo, thông tin trên website của các Ngân hàng

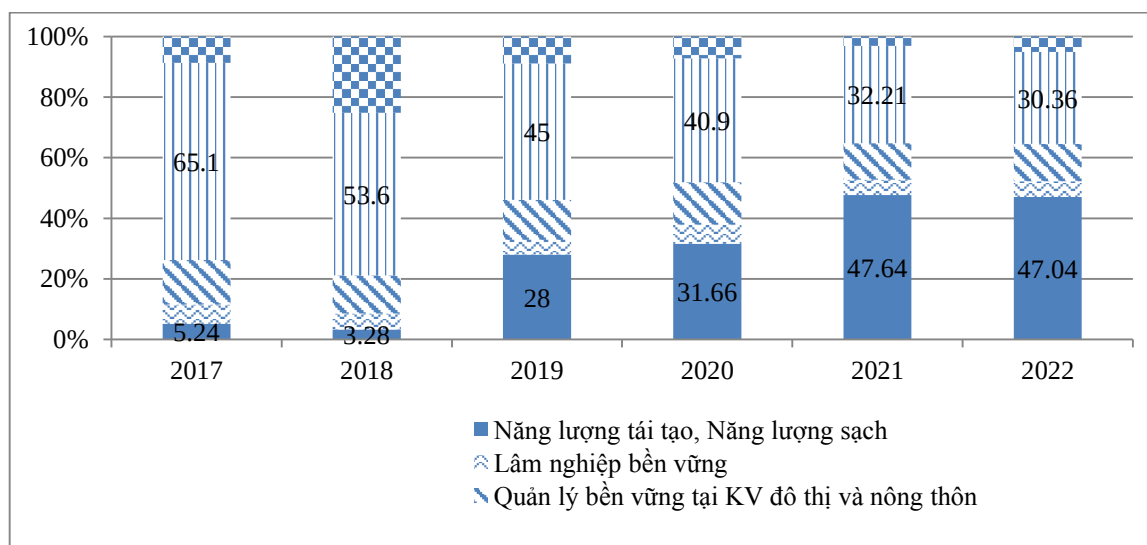
Chi phí lãi vay đối với các dự án xanh thấp hơn mức lãi suất cho vay các dự án thông thường tùy thuộc vào tính hiệu quả của dự án. Lãi suất cho vay các lĩnh vực xanh ngắn hạn từ 5-8%/năm, trung và dài hạn từ 9-12%/năm (Trần Thế Anh, 2022). Với mức lãi suất này chưa thực sự hấp dẫn và việc xác định mức lãi suất vay, cũng như việc đánh giá hiệu quả của dự án, đánh giá tác động của dự án đến môi trường hay việc đưa dự án vào nhóm dự án được hưởng chính sách ưu đãi tín dụng xanh đối với các tổ chức tín dụng vẫn là bài toán

cần có hướng dẫn, chỉ đạo rõ ràng dựa trên các tiêu chí được quy định cụ thể. Thêm vào đó, việc đánh giá hiệu quả của dự án hay tác động của dự án đến môi trường đặc biệt là với những dự án quy mô lớn, tính chất dự án phức tạp đôi khi cần có ý kiến tham vấn của những người là chuyên gia trong từng lĩnh vực. Nên việc tìm kiếm chuyên gia hay thuê chuyên gia tư vấn cũng gây khó khăn và tạo một khoản chi phí không nhỏ cho cả doanh nghiệp và người đánh giá.



Hình 02: Dư nợ tín dụng xanh theo các lĩnh vực

Nguồn: Tác giả tổng hợp dữ liệu từ Vụ tín dụng các ngành kinh tế



Hình 03: Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh theo các lĩnh vực

Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên số liệu tổng hợp từ Vụ tín dụng các ngành kinh tế

Dư nợ tín dụng xanh những giai đoạn đầu tập trung chủ yếu vào nông nghiệp xanh (không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và ứng dụng kỹ thuật giảm tác động đến môi trường, ...). Năm 2017, dư nợ tín dụng xanh cho lĩnh vực nông nghiệp xanh là 117.259,22 tỷ đồng chiếm 65,1% trong tổng dư nợ tín dụng xanh của toàn xã hội. Năm 2018, khoản tiền này tăng 7,76% so với năm 2017 và chiếm 53,6% tổng dư nợ tín dụng xanh. Với Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam do Thống đốc ngân hàng nhà nước quyết định phê duyệt ngày 07/8/2018 đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển mở rộng quy mô tín dụng xanh. Từ năm 2019, ngoài các dự án đầu tư xanh vào lĩnh vực nông nghiệp, nhà nước đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chủ đạo là điện gió, điện mặt trời với 229.720,1 tỷ đồng (chiếm 47,04% tổng dư nợ tín dụng xanh) ở năm 2022. Tốc độ tăng trưởng bình quân 6 năm dư nợ tín dụng xanh cho lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch là 89,32%. Có thể thấy, Việt Nam là nước đang phát triển sẽ có nhiều nhu cầu về phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp hóa, vì vậy nền kinh tế cần nhu cầu lớn về năng lượng và năng lượng sạch, năng lượng tái tạo tất yếu là đích hướng đến khi triển khai các chương trình dự án phát triển về lĩnh vực năng lượng của quốc gia. Chính vì vậy, Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) được Thủ tướng chính phủ quyết định phê duyệt ngày 15/5/2023. Với mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Thực hiện thành công chuyển đổi năng lượng công bằng gắn với hiện đại hóa sản xuất, xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, phát triển khoa học công nghệ của thế giới; Hình thành hệ sinh thái công

ng nghiệp năng lượng tổng thể dựa trên năng lượng tái tạo, năng lượng mới phù hợp với xu hướng quốc tế và phát triển bền vững.

Các đơn vị đặc biệt là các doanh nghiệp ngày càng quan tâm đến các dự án xanh không chỉ vì liên quan đến yếu tố môi trường, mà còn liên quan đến yếu tố sống còn của đơn vị mình thông qua việc vận hành, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm chi phí, cũng như điều kiện để vay vốn tín dụng. Xu hướng tới đây, các doanh nghiệp cần quan tâm đến việc sản xuất và tiêu dùng xanh nhằm giảm thiểu rủi ro đến môi trường. Bên cạnh đó, vấn đề chuyển đổi số và áp dụng các giải pháp về công nghệ, sử dụng hoặc tạo ra những công nghệ sạch hay xanh hóa hoạt động đầu tư kinh doanh sẽ là một tất yếu. Điều này giúp doanh nghiệp có thể thu hút/tiếp cận dòng vốn xanh không chỉ ở Việt Nam mà còn từ các tổ chức tài chính quốc tế. Tuy nhiên các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xanh đang phải đối mặt với những khó khăn như: cơ chế ưu đãi chưa rõ ràng, chi phí đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài, rủi ro thị trường cao, dễ xảy ra tình trạng đội vốn đầu tư, chưa có bộ tiêu chí xác định doanh nghiệp có đủ điều kiện để tiếp cận tín dụng xanh.

3.3. Những khó khăn, thách thức trong phát triển tín dụng xanh

- Thiếu khuôn khổ pháp lý, các tiêu chí đánh giá công cụ đo lường tác động đến môi trường để góp phần xây dựng chính sách phát triển tín dụng xanh. Mỗi dự án đầu tư của doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện khắt khe về tác động của dự án với môi trường. Hiện chưa có các tiêu chí cụ thể để phân loại ngành/lĩnh vực xanh;

- Các tổ chức tài chính tín dụng nhìn nhận phát triển các sản phẩm tín dụng xanh mới ở bước đầu theo chủ trương của Nhà nước thông qua các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, ... Mức lãi suất cho các dự án xanh chưa được sự ưu đãi tốt nhất. Trong khi đó, các dự

án xanh đa phần là trung và dài hạn, chi phí đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài, nhiều yếu tố tác động, rủi ro thị trường cao, ... do vậy dự án khó thu hút ngân hàng giải ngân vốn;

- Các dự án đầu tư xanh sử dụng tín dụng xanh chưa có đầy đủ trong quy hoạch phát triển ngành/lĩnh vực. Dẫn đến sự thiếu ổn định về các chính sách ưu đãi của nhà nước, đặc biệt đối với những dự án ở những ngành nghề mới như điện gió, điện rác, ...

- Khó khăn trong việc tìm kiếm chuyên gia về môi trường và xã hội để hỗ trợ đối với các dự án mang tính phức tạp, chi phí thuê chuyên gia về môi trường và xã hội hiện nay khá cao.

4. Một số khuyến nghị nhằm phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam

- Nhà nước xây dựng khuôn khổ pháp lý đầy đủ, thống nhất, đồng bộ, ban hành danh mục lĩnh vực xanh phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế để các dự án đầu tư dễ dàng tiếp cận với nguồn tín dụng quốc tế, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng xanh cũng như việc đánh giá hiệu quả của dự án hay tác động của dự án đến môi trường được đánh giá một cách khoa học, dễ dàng, khách quan và theo chuẩn quốc tế.

- Nhà nước tiếp tục xây dựng quy trình, các tiêu chuẩn về tín dụng xanh, doanh nghiệp xanh giúp các tổ chức tín dụng làm căn cứ đánh giá, thẩm định, lựa chọn khi thực hiện cấp tín dụng, đề xuất mức lãi suất thích hợp; Nhà nước cần ưu tiên, dành kinh phí thỏa đáng để thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, chủ động tiếp cận nguồn vốn quốc tế xanh thông

qua các bộ/ban/ngành đầu mối, hoặc tiếp cận trực tiếp các định chế tài chính, tổ chức phi chính phủ, Quỹ tín thác tín dụng xanh (GCTF do SECO thành lập ở Việt Nam)... để có nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án xanh. Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn trái phiếu xanh. Đây cũng là kênh cung cấp vốn xanh giúp dự án gia tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn đầu tư hiệu quả.

- Nhà nước ban hành bộ tiêu chuẩn phù hợp, có tính thực tiễn để doanh nghiệp tiếp cận được với nguồn tín dụng xanh. Cần có cơ chế khuyến khích các tổ chức tín dụng xây dựng chiến lược tài chính xanh trong kế hoạch hoạt động và phát triển hàng năm, coi đây là nhiệm vụ bắt buộc nhằm mở rộng quy mô tín dụng xanh tại các tổ chức tín dụng cũng như tạo sự cạnh tranh trong hoạt động giữa các tổ chức tín dụng. Từ đó tạo điều kiện cho các dự án đầu tư xanh tiếp cận dễ dàng hơn với các nguồn tín dụng xanh của cả nền kinh tế;

- Tăng cường các khóa đào tạo được phối hợp giữa các tổ chức trong và ngoài nước trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ vướng mắc và cách giải quyết hiệu quả, để nâng cao năng lực cho các đơn vị cũng như các cá nhân xây dựng cơ chế chính sách hay xử lý các nghiệp vụ liên quan đến tín dụng xanh. Thêm vào đó, nhà nước quan tâm đến việc đào tạo những chuyên gia tư vấn trong các lĩnh vực của dự án đầu tư, đặc biệt là những dự án có tính chất đặc thù, phức tạp và cần kiến thức chuyên môn sâu nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Thế Anh. (29/11/2022). *Thực trạng triển khai tín dụng xanh để xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển tín dụng xanh trong thời gian tới*, Tạp chí môi trường, 15/10/2022,
[2]. Đỗ Hoài Linh & cộng sự. (06/01/2022). *Tín dụng xanh tại Việt Nam: Thực trạng và các khuyến nghị chính sách*, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, số 9 năm 2021, 15/10/2022, <https://thitruongtaichinhhtiente.vn/tin-dung-xanh-tai-viet-nam-thuc-trang-va-cac-khuyen-nghi-chinh-sach-38668.html>

- [3]. Ngân hàng nhà nước Việt Nam. (2015). *Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24 tháng 3 năm 2015. Chỉ thị về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.*
- [4]. Quốc Hội. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020.*
- [5]. Thủ tướng Chính phủ. (2012). *Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kì 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050.*
- [6]. Thủ tướng chính phủ. (2014). *Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2014, phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014-2020.*
- [7]. Thủ tướng chính phủ. (2022). *Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030.*
- [8]. Vụ trưởng Vụ tín dụng các ngành kinh tế. *Công văn số 9050/NHNN-TD Báo cáo tình hình cấp tín dụng với các lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng ngày 03/11/2017.*

Thông tin tác giả:

1. Đặng Kim Oanh

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

2. Nguyễn Thị Thúy Vân

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

- Địa chỉ email: leminh@tueba.edu.vn

Ngày nhận bài: 5/5/2023

Ngày nhận bản sửa: 22/5/2023

Ngày duyệt đăng: 25/5/2023